

Số: 248/QĐ-SGDHCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 6 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy định giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch
Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh**

TỔNG GIÁM ĐỐC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và Luật số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 559/QĐ-TTg ngày 11/05/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh thành Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ban hành kèm theo Quyết định số 2881/QĐ-BTC ngày 22/11/2013 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Công văn số 2629/UBCK-PTTT ngày 18/05/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận ban hành Quy định giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-SGDHCM ngày 06/06/2016 của Hội đồng Quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh thông qua nội dung Quy định giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý Thành viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/08/2016 và thay thế Quyết định số 41/QĐ-SGDHCM ngày 24/11/2008 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành Quy định giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.



Điều 3. Giám đốc phòng Quản lý Thành viên, Giám đốc các phòng ban thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, các công ty chứng khoán thành viên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *mm*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN;
- HĐQT, BKS;
- CTCK;
- Lưu VT, TV (81)

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng



QUY ĐỊNH GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN
TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 248 /QĐ-SGDHCM ngày 22 tháng 6 năm 2016
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Chương 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các yêu cầu, điều kiện và hình thức xử lý vi phạm của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đối với công ty chứng khoán thành viên (sau đây viết tắt là Thành viên) tham gia giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây viết tắt là SGDCK TP HCM).

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Giao dịch trực tuyến* là việc Thành viên sử dụng hệ thống giao dịch của Thành viên kết nối trực tiếp với hệ thống giao dịch của SGDCK TP HCM để thực hiện giao dịch chứng khoán theo các quy định hiện hành về giao dịch chứng khoán.
2. *Hệ thống giao dịch của Thành viên* là toàn bộ hoặc một phần hệ thống công nghệ thông tin của Thành viên kết nối với hệ thống giao dịch của SGDCK TP HCM để thực hiện giao dịch chứng khoán.
3. *Nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến* là người được Thành viên chỉ định để phối hợp với SGDCK TP HCM trong các hoạt động liên quan đến giao dịch trực tuyến.
4. *Dự phòng* là tính năng khi một thiết bị hoặc ứng dụng gặp sự cố, nhân viên kỹ thuật thao tác để đưa thiết bị hoặc ứng dụng khác vào hoạt động trong thời gian không quá ba mươi (30) phút và bảo đảm không làm hỏng dữ liệu hoặc tiến trình đang hoạt động trước đó.
5. *Dự phòng nóng* là tính năng khi một thiết bị hoặc ứng dụng gặp sự cố, hệ thống tự động chuyển mọi hoạt động sang thiết bị hoặc ứng dụng khác, bảo đảm không làm hỏng dữ liệu hoặc tiến trình đang hoạt động trước đó.
6. *Địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến* là địa điểm của Thành viên đặt hệ thống công nghệ thông tin phục vụ cho giao dịch trực tuyến, có đăng ký và được SGDCK TP HCM chấp thuận.



Điều 3. Quy định về nghĩa vụ của Thành viên tham gia giao dịch trực tuyến

1. Thành viên chịu sự kiểm tra, giám sát của SGDCK TPHCM về các vấn đề liên quan đến hoạt động về giao dịch trực tuyến.

2. Thành viên có trách nhiệm ban hành các quy trình, quy định nội bộ liên quan đến giao dịch trực tuyến, phù hợp với các quy định giao dịch chứng khoán hiện hành và các đặc tả hệ thống giao dịch. Thành viên đảm bảo thực hiện đúng các quy trình, quy định nội bộ đã ban hành và pháp luật liên quan.

3. Thành viên có nghĩa vụ đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong quá trình nhận lệnh, xử lý lệnh của nhà đầu tư; đảm bảo tất cả các lệnh nhập vào hệ thống giao dịch phải tuân thủ các quy định do SGDCK TPHCM ban hành và chịu trách nhiệm về các lệnh nhập vào hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM.

4. Thành viên chịu trách nhiệm về tính ổn định, chính xác và an toàn của hệ thống công nghệ thông tin của Thành viên phục vụ cho giao dịch trực tuyến.

Trong trường hợp hệ thống giao dịch của Thành viên gây ảnh hưởng đến khả năng vận hành bình thường của hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM, SGDCK TPHCM sẽ ngắt kết nối giao dịch trực tuyến và thông báo cho Thành viên ngay sau đó. Thành viên có nghĩa vụ phối hợp với SGDCK TPHCM giải quyết các vấn đề phát sinh.

5. Nghiêm cấm Thành viên chuyển lệnh vào hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM ngoài giờ giao dịch theo quy định.

6. Nghiêm cấm Thành viên thực hiện bất kỳ hành vi nào làm tổn hại đến hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM.

7. Thành viên có trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng hỗ trợ kỹ thuật đối với hệ thống giao dịch của Thành viên.

SGDCK TPHCM có quyền yêu cầu Thành viên chấm dứt sử dụng hệ thống giao dịch của Thành viên khi phát hiện hệ thống này không được đảm bảo khả năng sẵn sàng hỗ trợ.

8. Thành viên đăng ký các phương thức nhận lệnh của nhà đầu tư tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này và phải đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật đối với từng phương thức nhận lệnh do SGDCK TPHCM quy định.

9. Thành viên phải duy trì tối thiểu một (01) thiết bị đầu cuối dự phòng tại sàn giao dịch của SGDCK TPHCM và bố trí nhân sự sẵn sàng trong trường hợp xảy ra sự cố. Thành viên chịu mọi chi phí liên quan đối với việc duy trì các thiết bị này. SGDCK TPHCM sẽ xem xét các trường hợp Thành viên được phép sử dụng các thiết bị nhập lệnh dự phòng tại sàn giao dịch của SGDCK TPHCM.

10. Thành viên có trách nhiệm chỉ định và thông báo bằng văn bản cho SGDCK TPHCM hai (02) nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến trong đó có một (01) nhân viên về công nghệ thông tin. Trường hợp có sự thay đổi các nhân viên này, Thành viên phải thông báo SGDCK TPHCM trước một (01) ngày làm việc mẫu theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Quy định này.

T. T. M
DỊCH
HOÀN
PHỐ
MINH
Đ. CH. N

11. Thành viên có trách nhiệm tham gia các buổi thử nghiệm do SGDCK TPHCM tổ chức liên quan đến việc thay đổi hoặc chỉnh sửa hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM và các quy định giao dịch của SGDCK TPHCM. Sau các đợt thử nghiệm, Thành viên có nghĩa vụ gửi cho SGDCK TPHCM báo cáo kết quả thử nghiệm trong thời gian quy định.

Chương 2 **CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Quy định về hệ thống giao dịch của Thành viên

1. Hệ thống giao dịch của Thành viên phải được xây dựng trên cơ sở tuân thủ các quy định về giao dịch chứng khoán do SGDCK TPHCM ban hành cũng như các quy định khác liên quan. Hệ thống giao dịch của Thành viên phải đảm bảo tuân thủ được đúng thứ tự ưu tiên lệnh về thời gian, đảm bảo được tính minh bạch và công bằng trong quá trình nhận lệnh và xử lý tất cả các lệnh mua bán chứng khoán.

2. Thành viên được có một (01) kết nối giao dịch trực tuyến đến SGDCK TPHCM từ một (01) địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến đã đăng ký và được SGDCK TPHCM chấp thuận.

3. Hệ thống giao dịch của Thành viên đảm bảo không cho nhà đầu tư tự thực hiện quảng cáo giao dịch thỏa thuận và thực hiện giao dịch thỏa thuận.

4. Trường hợp Thành viên muốn thực hiện các thay đổi hoặc chỉnh sửa nêu dưới đây đối với hệ thống giao dịch đang sử dụng, Thành viên phải nộp các tài liệu chi tiết về các thay đổi liên quan đến hệ thống và đảm bảo các thay đổi hoặc chỉnh sửa sẽ không làm ảnh hưởng đến hoạt động giao dịch trực tuyến hoặc hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM, tuân thủ các quy định về giao dịch chứng khoán, đảm bảo các yêu cầu chức năng do SGDCK TPHCM quy định và được SGDCK TPHCM chấp thuận:

- a. Thay đổi nhà cung cấp giải pháp.
- b. Thay đổi cấu trúc của hệ thống công nghệ thông tin phục vụ giao dịch trực tuyến của Thành viên.
- c. Thay đổi về chức năng của hệ thống giao dịch của Thành viên.
- d. Thay đổi địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến.
- đ. Các thay đổi khác khi SGDCK TPHCM đề nghị.

Thành viên phải báo cáo SGDCK Tp.HCM bằng văn bản sau khi hoàn thành các thay đổi hoặc chỉnh sửa trên.

5. Hệ thống giao dịch của Thành viên phải được xây dựng theo đúng yêu cầu đặc tả kỹ thuật do SGDCK TPHCM cung cấp theo Phụ lục 05 ban hành kèm theo Quy định này.

6. Hệ thống giao dịch của Thành viên phải có độ bảo mật cao, bảo đảm chống lại được các hình thức tấn công theo hướng dẫn tại Mục A Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quy định này.

7. Hệ thống giao dịch của Thành viên phải có chức năng kiểm tra và chấp nhận dữ liệu từ hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM.

Điều 5. Quy định về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

1. Thành viên phải thiết kế hệ thống công nghệ thông tin bảo đảm tuân thủ quy định về kết nối theo hướng dẫn tại Mục B Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Quy định về Phòng máy chủ

Thành viên phải bố trí phòng máy chủ riêng biệt, có khóa, thiết bị ghi hình có khả năng bao quát hệ thống công nghệ và lưu dữ liệu với thời gian tối thiểu ba mươi (30) ngày, có điều hòa nhiệt độ, máy phát điện và bộ lưu điện có dự phòng theo khối chức năng với thời gian lưu điện tối thiểu mười lăm (15) phút.

3. Quy định về máy chủ và hệ thống lưu trữ

Thành viên phải đầu tư máy chủ chuyên dụng hoặc máy chủ ảo hóa từ hệ thống máy chủ chuyên dụng cho hệ thống giao dịch. Trong tất cả các trường hợp, hệ thống máy chủ vật lý phải có dự phòng. Hệ thống lưu trữ phải hỗ trợ và cho phép thay nóng khi một ổ cứng bất kỳ trên hệ thống gặp sự cố.

4. Quy định về hệ thống mạng

a. Mạng nội bộ

Thành viên phải thiết kế hệ thống mạng nội bộ có các phân vùng mạng riêng ảo (VLAN) đối với mỗi hệ thống chức năng, bao gồm: phân vùng mạng máy chủ, phân vùng mạng cho hệ thống nhập lệnh và các phân vùng mạng nghiệp vụ khác.

b. Mạng diện rộng kết nối đến SGDCK TPHCM

Thành viên phải xây dựng đường truyền từ địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến của Thành viên đến SGDCK TPHCM qua ít nhất hai (02) nhà cung cấp dịch vụ truyền dẫn khác nhau và phải cấu hình thiết bị mạng ngăn chặn các gói dữ liệu không thuộc dải địa chỉ IP của SGDCK TPHCM. Thành viên có thể tự thiết kế mạng diện rộng kết nối giữa các văn phòng và địa điểm liên quan đến hệ thống giao dịch nhưng phải tuân thủ quy định về bảo mật mạng của SGDCK TPHCM.

5. Quy định về bảo mật

Thành viên phải có thiết bị bảo mật để bảo vệ hệ thống công nghệ thông tin của Thành viên, bảo đảm tính toàn vẹn dữ liệu giao dịch và an toàn hệ thống khi kết nối với hệ thống giao dịch trực tuyến của SGDCK TPHCM.

6. Quy định về dự phòng

Thành viên phải đầu tư thiết bị dự phòng đối với tất cả các thiết bị phục vụ cho giao dịch trực tuyến như máy chủ, thiết bị mạng, tường lửa...

7. Quy định về máy phát điện

Địa điểm kết nối giao dịch trực tuyến của thành viên phải có máy phát điện dự phòng, có chế độ chuyển tự động và sẵn sàng hoạt động trong thời gian tối đa một (01) phút kể từ lúc mất điện lưới.

Điều 6. Quy định về việc Thành viên cung cấp các phương thức nhận lệnh cho nhà đầu tư

1. Các lệnh do nhà đầu tư tự nhập phải được hệ thống giao dịch của Thành viên kiểm soát về tính tuân thủ trước khi chuyển vào hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM.

2. Thành viên cung cấp các phương thức nhận lệnh cho nhà đầu tư có nghĩa vụ đầu tư cơ sở hạ tầng hoạt động ổn định, bảo mật và có dự phòng.

3. Hệ thống cung cấp các phương thức nhận lệnh cho nhà đầu tư phải đáp ứng các tiêu chuẩn như sau:

- a. Tuân thủ các quy định về giao dịch chứng khoán hiện hành.
- b. Có tính năng cung cấp thông tin tức thời về trạng thái lệnh cho nhà đầu tư.
- c. Lưu vết nguồn gốc và hoạt động của nhà đầu tư.

Điều 7. Yêu cầu đối với nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến

1. Có thẩm quyền giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động giao dịch trực tuyến.

2. Phối hợp với SGDCK TPHCM giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động giao dịch của Thành viên.

Chương 3 ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

Điều 8. Hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến

Hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến bao gồm:

1. Đơn đăng ký triển khai giao dịch trực tuyến theo quy định tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Quy định này.
2. Hồ sơ kỹ thuật theo quy định tại Phụ lục 03 ban hành kèm theo Quy định này.
3. Tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng hỗ trợ đối với hệ thống giao dịch của Thành viên theo quy định tại Mục C Phụ lục 04 ban hành kèm theo Quy định này.
4. Quyết định bổ nhiệm hoặc giấy ủy quyền nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến (bao gồm thông tin về chức vụ, điện thoại, số fax, địa chỉ...).
5. Các quy định pháp quy và quy trình về kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, quy trình nghiệp vụ của Thành viên liên quan đến giao dịch trực tuyến.

Điều 9. Thủ tục chấp thuận

1. Thành viên nộp hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến cho SGDCK TPHCM theo quy định tại Điều 8 Quy định này.

2. Trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký giao dịch trực tuyến của Thành viên, SGDCK TPHCM công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK TpHCM.

3. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký, SGDCK TPHCM yêu cầu Thành viên sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu cần thiết). Trong thời gian xét duyệt hồ sơ, nếu có bất kỳ thay đổi nào so với hồ sơ ban đầu, Thành viên phải bổ sung ngay hồ sơ theo đúng quy định.

4. Trong vòng mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, SGDCK TPHCM sẽ ký kết hợp đồng kết nối giao dịch trực tuyến với Thành viên.

5. Thành viên và nhà cung cấp giải pháp (nếu có) phải vượt qua đợt thử nghiệm kết nối giao dịch trực tuyến với hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM. SGDCK TPHCM sẽ tiến hành khảo sát thực tế điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ giao dịch trực tuyến của Thành viên trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Thành viên và Nhà cung cấp giải pháp vượt qua đợt thử nghiệm. Trường hợp cần làm rõ vấn đề liên quan đến hồ sơ đăng ký hoặc điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, SGDCK TPHCM đề nghị người đại diện theo pháp luật của công ty chứng khoán giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản.

6. Trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày Thành viên đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về hồ sơ đăng ký và cơ sở vật chất kỹ thuật, SGDCK TPHCM ra quyết định chấp thuận cho Thành viên triển khai giao dịch trực tuyến và công bố thông tin trên phương tiện công bố thông tin của SGDCK TPHCM.

Chương 5

KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 10. Kiểm tra, giám sát

Nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định về giao dịch trực tuyến, SGDCK TPHCM sẽ tiến hành các đợt kiểm tra đột xuất đối với Thành viên khi thấy cần thiết.

Điều 11. Xử lý vi phạm

Trường hợp Thành viên vi phạm các quy định liên quan trong quá trình giao dịch trực tuyến hoặc không đảm bảo cơ sở vật chất kỹ thuật cho hoạt động giao dịch trực tuyến, tùy tính chất, thời gian, tần suất xảy ra vi phạm, mức độ tác động và thiệt hại phát sinh từ việc vi phạm mà SGDCK TPHCM có thể áp dụng một hoặc một số hình thức xử lý vi phạm sau:

1. Nhắc nhở.
2. Cảnh cáo.
3. Ngắt kết nối giao dịch trực tuyến.
4. Đình chỉ một phần hoặc toàn bộ hoạt động giao dịch.
5. Buộc chấm dứt tư cách thành viên.

Chương 6 TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. SGDCK TPHCM thực hiện giám sát việc tuân thủ quy định này của các Thành viên tham gia giao dịch trực tuyến.
2. Việc sửa đổi bổ sung Quy định này do Tổng giám đốc SGDCK TPHCM quyết định sau khi được Hội đồng quản trị SGDCK TPHCM thông qua và có ý kiến chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Văn Dũng

N.H.H
★
MINH



Phụ lục 01: Mẫu đơn đăng ký giao dịch trực tuyến

(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-SGDHCM ngày 22/ 6 /2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày tháng năm....

ĐƠN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM

Chúng tôi, Công ty.....

Tên giao dịch của Công ty bằng tiếng Việt:.....

Tên giao dịch của Công ty bằng tiếng Anh:

Được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số ... ngày do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, và được làm thành viên giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM theo Quyết định số .../QĐ-SGDHCM ngày .../.../..... do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM cấp.

Xét thấy chúng tôi đã đáp ứng đầy đủ các yêu cầu trong Quy định giao dịch trực tuyến do Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM ban hành ngày .../.../..... Nay, chúng tôi đề nghị được đăng ký:

Triển khai giao dịch trực tuyến tại Sở Giao dịch Chứng khoán TPHCM và cung cấp các phương thức nhận lệnh của nhà đầu tư sau:

☐ **Nhận lệnh qua Internet**

☐ Từ phần mềm nhập lệnh (Application-based)

☐ Từ phần mềm trên trang Web (Web-based)

☐ Khác (nêu cụ thể) ...

☐ **Nhận lệnh qua SMS**

☐ **Khác (nêu cụ thể) ...**

Chúng tôi xin cung cấp thông tin để triển khai giao dịch trực tuyến như sau:

I. Địa điểm đăng ký kết nối:

Địa điểm đăng ký kết nối giao dịch trực tuyến và địa điểm đặt máy chủ dự phòng giao dịch trực tuyến (nếu có):

II. Đăng ký và duy trì số lượng thiết bị nhập lệnh dự phòng:

Số lượng thiết bị nhập lệnh dự phòng tại Sàn giao dịch SGDCK TPHCM:...

III. Đăng ký số lượng mã nhận diện lệnh (TraderID):

Số lượng mã nhận diện lệnh (TraderID):

** Lưu ý: Thành viên phải đăng ký số lượng mã nhận diện lệnh cho: lệnh do nhà đầu tư tự nhập và lệnh do Thành viên nhập. Trường hợp Thành viên đăng ký thêm mã nhận diện lệnh, đề nghị Thành viên nêu rõ mục đích sử dụng cho từng mã nhận diện lệnh.*

Ví dụ: Thành viên có mã thành viên là 008 sẽ đăng ký và nêu rõ:

- 81 là mã nhận diện lệnh do nhà đầu tư tự nhập (nếu có)
- 82 là mã nhận diện lệnh do Thành viên nhập
- Các mã nhận diện lệnh khác.

IV. Cam kết:

Công ty cam kết tuân thủ tuyệt đối các quy định về giao dịch trực tuyến do Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM ban hành, đảm bảo hệ thống giao dịch của Công ty:

1. Tuân thủ các quy định về giao dịch điện tử và các quy định hiện hành liên quan đến giao dịch chứng khoán;
2. Đáp ứng các yêu cầu chức năng mà Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM quy định;
3. Không làm ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM;
4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm nếu hệ thống giao dịch của Công ty phát sinh sự cố làm ảnh hưởng đến hệ thống giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Tổng Giám đốc

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)





Phụ lục 02: Mẫu thông báo nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến
(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-SGDHCM ngày 22/ 6 /2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

Tên tổ chức _____

Số: /

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

THÔNG BÁO NHÂN VIÊN PHỤ TRÁCH GIAO DỊCH TRỰC TUYẾN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty..... thông báo Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM danh sách nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến như sau:

1. Thông tin nhân viên phụ trách giao dịch trực tuyến:

1. 1 Ông/bà: ...

- Phòng/Khối: ...; Chức vụ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...;
- Điện thoại di động:....;
- Email: ... (dùng để gửi và nhận thông tin từ SGDCK).

1.2 Ông/bà:...

- Phòng/Khối: ...; Chức vụ: ...;
- Điện thoại: ...; Fax: ...;
- Điện thoại di động:....;
- Email: ... (dùng để gửi và nhận thông tin từ SGDCK).

2. Thông tin sau khi thay đổi:

- Thông tin thay đổi:
- Lý do thay đổi:
- Ngày bắt đầu có hiệu lực:

Tổng Giám đốc
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Phụ lục 03: Hướng dẫn hồ sơ kỹ thuật

**Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-SGDHCM ngày 22/6/2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)*

HỒ SƠ KỸ THUẬT

A. Hệ thống phần mềm:

I. Mô tả các hệ thống phần mềm đang sử dụng phục vụ cho hệ thống giao dịch của Thành viên:

Liệt kê tất cả các phần mềm đang sử dụng phục vụ cho hệ thống giao dịch của Thành viên (Ví dụ: hệ thống giao dịch, phần mềm giao tiếp với HOSE Gateway.....). Thông tin của từng phần mềm bao gồm:

1. Thông tin chung:

- Tên phần mềm (ghi đầy đủ và tên viết tắt)
- Thông tin về nhà cung cấp phần mềm (tên, trụ sở, tên người đại diện, văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có), số điện thoại, email)
- Phiên bản phần mềm kết nối với SGDCK TPHCM.
- Hệ điều hành:

STT	Hệ điều hành	Phiên bản	Liệt kê chức năng

- Cơ sở dữ liệu (nếu có).
- Cấu trúc (module) phần mềm:

STT	Tên Module	Phiên bản	Chức năng (liệt kê đầy đủ chức năng của từng Module)

2. Mô tả về chức năng lưu vết: thời gian đặt lệnh của nhà đầu tư, các dữ liệu gửi và nhận từ SGDCK TPHCM.
3. Mô tả về chức năng bảo mật: mức ứng dụng phần mềm, cách thức mã hóa dữ liệu, chức năng phân quyền của hệ thống.
4. Mô tả về cách thức sao lưu và phục hồi số liệu khi có sự cố

II. Mô tả phương thức nhận và xử lý lệnh trong hệ thống giao dịch của Thành viên.

III. Mô tả về hoạt động của hệ thống front-office với hệ thống giao dịch của SGDCK TPHCM (mô tả chi tiết quy trình xử lý, có thể dùng lưu đồ khối - Flow-chart).



Phụ lục 04: Các hướng dẫn liên quan đến Hệ thống giao dịch của Thành viên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 248/QĐ-SGDHCM ngày 22 / 6 /2016 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh)

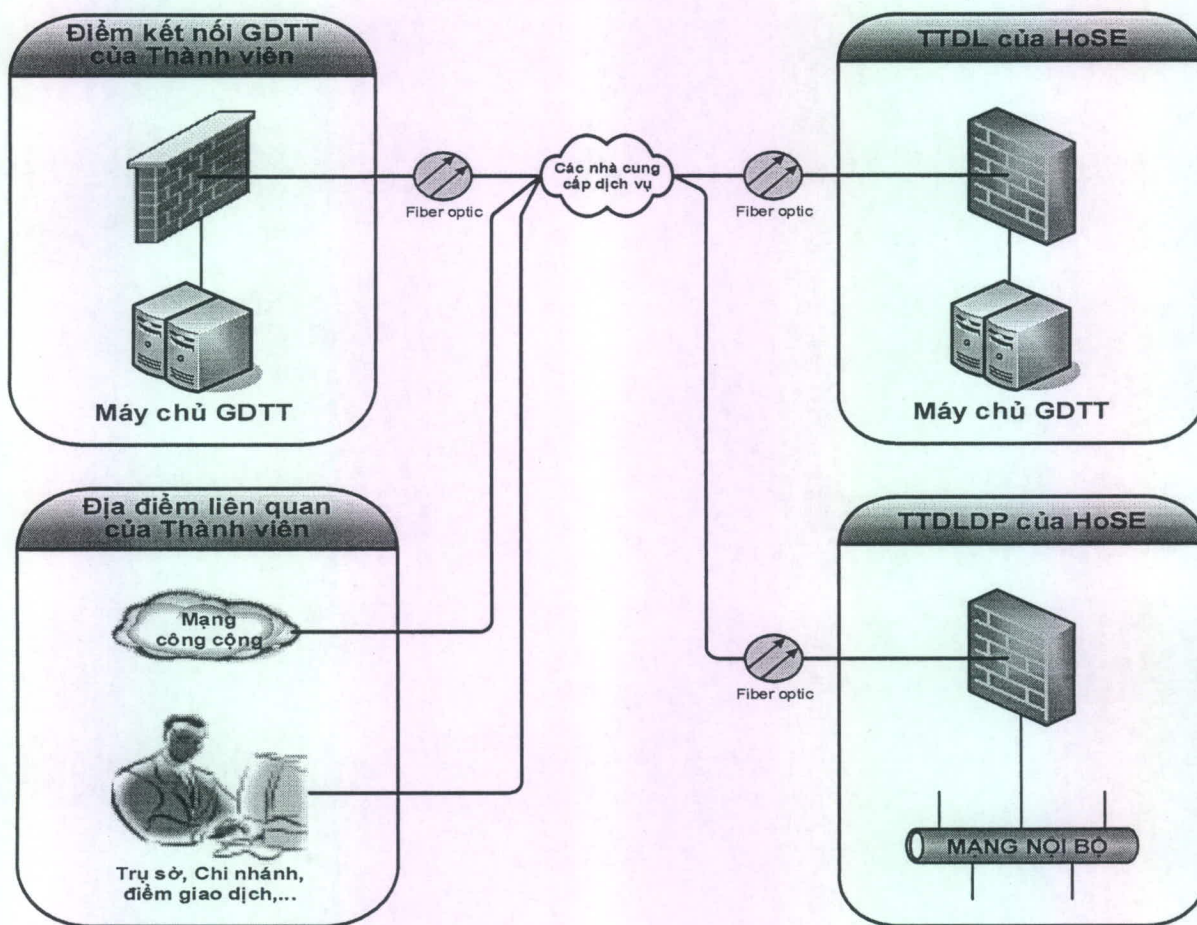
A. Khuyến nghị về độ bảo mật của chương trình:

1. Nhà đầu tư, khi truy cập vào Hệ thống giao dịch của Thành viên được xác thực thông tin tối thiểu 02 yếu tố, có thể bao gồm tên đăng nhập và mật khẩu tĩnh theo quy tắc phức hợp, dải mật khẩu cố định xoay vòng, mật khẩu định vị ma trận, thiết bị phát sinh mã xác thực (token), mật khẩu cấp một lần (OTP) trên thiết bị di động, chữ ký số,...
2. Thành viên xây dựng quy trình cấp mật khẩu chặt chẽ nhằm bảo đảm an toàn, bảo mật thông tin xác thực của nhà đầu tư;
3. Hệ thống xác thực của Thành viên có các tính năng sau:
 - a. Không sử dụng tính năng lưu mật khẩu trên thiết bị nhập lệnh.
 - b. Khóa quyền đăng nhập sau một số lần liên tiếp đăng nhập không thành công.
 - c. Trường hợp hệ thống cho phép nhà đầu tư đặt, hủy hoặc sửa nhiều lệnh đối với một lần đăng nhập thì mỗi lệnh nên được xác thực hoặc xác nhận của nhà đầu tư.
 - d. Lưu vết đối với mỗi lần xác thực, kể cả xác thực thành công và xác thực không thành công. Lưu vết lệnh phải được lưu trữ ít nhất 10 năm và phải lưu trữ đầy đủ thông tin chi tiết của lệnh. Lưu vết lệnh phải sẵn sàng và có thể tra cứu bất cứ lúc nào nếu có yêu cầu từ SGDCK Tp.HCM.
4. Hệ thống giao dịch của Thành viên có tính năng tự động đăng xuất nếu nhà đầu tư không có thao tác trên hệ thống sau một khoảng thời gian.
5. Dữ liệu giao dịch giữa thiết bị của Thành viên và nhà đầu tư được mã hóa ở mức đường truyền và ứng dụng, kể cả giai đoạn đăng nhập và giao dịch.
6. Hệ thống của thành viên có khả năng lưu vết đối với thông tin thiết bị, thời gian, địa chỉ mạng,... đăng nhập vào hệ thống (kể cả trường hợp đăng nhập không thành công) và các thao tác của nhà đầu tư trên hệ thống.
7. Hệ thống của Thành viên có khả năng chống lại kiểu tấn công mạng và tấn công ứng dụng, đặc biệt là các kiểu tấn công khai thác lỗ hổng bảo mật đã được phát hiện và công bố.



B. Mô hình kết nối:

Thành viên thiết kế hệ thống công nghệ thông tin bảo đảm tuân thủ các quy định về mô hình kết nối mạng của SGDCK TPHCM.



C. Tài liệu chứng minh khả năng sẵn sàng hỗ trợ:

Quy định chung

- Tài liệu kỹ thuật, tài liệu thiết kế, quy trình và phương thức hỗ trợ kỹ thuật đối với Hệ thống giao dịch (phần cứng và phần mềm) của Thành viên.

Đối với Thành viên tự phát triển Hệ thống giao dịch:

- Số lượng nhân viên CNTT phát triển và hỗ trợ hệ thống.
- Bằng cấp hoặc chứng chỉ liên quan của nhân viên CNTT.
- Văn phòng làm việc nhân viên CNTT.

Đối với Thành viên sử dụng Hệ thống giao dịch của Nhà cung cấp giải pháp:

- Thông tin và tư cách pháp nhân của Nhà cung cấp giải pháp.
- Thông tin về văn phòng đại diện hoặc đối tác kỹ thuật tại Việt Nam.
- Số lượng nhân viên kỹ thuật của văn phòng đại diện hoặc đối tác kỹ thuật tại Việt Nam của nhà cung cấp giải pháp.
- Các điều khoản liên quan đến dịch vụ hỗ trợ trong hợp đồng giữa nhà cung cấp giải pháp và Thành viên.

